

Số: **02** /2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 24 tháng 1 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 600/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa:

* *Nguyên đơn*: Đỗ Thị K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Long Hội, xã Long Định, huyện B, tỉnh E.

* *Bị đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Long Hội, xã Long Định, huyện B, tỉnh E.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đỗ Thị K với ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị K với ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 11/10/1994; Nguyễn Thị Kim Xuyên sinh ngày 06/05/1998; Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 02/12/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Riêng Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh

N sinh ngày 01/11/2003 anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ông Nguyễn Văn T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo Quyết định số 5216/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B ngày 08/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp phú Thuận, huyện B, tỉnh E (Bồi thường, hỗ trợ về đất, xã Long Định, huyện B – Đợt 4) thì tổng số tài sản chung của tôi và bà Đỗ Thị K được bồi thường là 1.098.752.000 đồng (Một tỉ không trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị K cùng thỏa thuận chia tài sản chung như sau:

Bà Đỗ Thị K được nhận số tiền là 474.376.000đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn T được nhận số tiền là 624.376.000 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Về nợ chung: ông Nguyễn Văn T lãnh trách nhiệm trả nợ hoàn toàn và đã trả xong nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí : Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đỗ Thị K tự nguyện chịu 150.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bà Đỗ Thị K tự nguyện chịu toàn bộ là 22.481.000đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng). Tổng án phí bà Đỗ Thị K phải chịu là 22.631.000đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bà K đã nộp 15.900.000đồng (Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng) theo hai biên lai thu tiền số 0007886 ngày 12/12/2019, số 0007885 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Bà Đỗ Thị K còn phải nộp tiếp 6.731.000đồng (Sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh E (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thu Hương

